

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2018/HS-PT**

Ngày: 05-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Bà Võ Thị Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 338/2017/TLPT-HS ngày 14 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Phạm Minh T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 131/2017/HS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Phạm Minh T (T bỏ), sinh năm 1978 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị B; Có vợ Đinh Thị Bích P (đã li hôn); Có 01 con chung sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 63/2017/HSST ngày 15/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xử phạt 06 tháng tù về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo bị bắt lần thứ nhất từ ngày 17/11/2016 đến ngày 16/01/2017, lần thứ hai từ ngày 31/5/2017 – Có mặt.

Ngoài ra còn có người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 19/5/2017, bị cáo Phạm Minh T gặp anh Đặng Quốc T2, mượn 300.000 đồng và 01 xe mô tô mang biển số 60B5 – 621.43 hiệu Airblade để đi công việc và hứa sẽ trả lại xe cho anh T2 trong ngày, anh T2 đồng ý. Sau khi mượn được xe, bị cáo điều khiển xe đến xã X thì bị Công an xã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính vì không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông, đồng thời tạm giữ giấy đăng ký xe mô tô. Sau đó bị cáo T tiếp tục điều khiển xe đi và bị tai nạn giao thông (tự ngã) làm trầy xước xe của anh T2. Lúc này, bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe 60B5 – 612.43, anh T2 nhiều lần liên lạc với bị cáo T nhưng bị cáo không trả xe lại cho anh T2. Đến ngày 23/5/2017, do không có tiền tiêu xài, nên bị cáo T đã mang xe mô tô biển số 60B5- 621.43 đến tiệm cầm đồ “Hòa L1” của anh Huỳnh Văn H cầm cố được số tiền 5.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 07/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Xuân Lộc kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của xe mô tô mang biển số 60B5 – 621.43 hiệu Honda Airblade, màu đen – bạc là 23.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 (một) mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển số 60B5-621.43; 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển số 60B5-621.43; 01 giấy chứng minh nhân dân số 271343545 mang tên Trần Tài N do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31/8/2012; 01 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt số 0000394/BB-VPHC quyền số 0008 ngày 19/5/2017 của Công an xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Tại bản án sơ thẩm số 131/2017/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 63/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2017, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/11/2016 đến ngày 16/01/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/11/2017, bị cáo Phạm Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Minh T khai nhận tội như bản án sơ thẩm, nhưng bị cáo cho rằng bị cáo không cố ý chiếm đoạt tài sản bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Khẳng định bản án hình sự sơ thẩm xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tòa án

cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử bị cáo mức án 01 năm 06 tháng là đúng, không nặng như đơn kháng cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Do tin tưởng Phạm Minh T, nên anh Đặng Quốc T2 đã cho T mượn xe mô tô và 300.000đ, tuy nhiên sau đó, do không có tiền tiêu xài, bị cáo T đã mang xe mô tô của anh T2 đến tiệm cầm đồ “Hòa L1” của anh Huỳnh Văn H cầm cố được số tiền 5.000.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản, giá trị chiếc xe mô tô bị cáo T đã chiếm đoạt của anh T2 là 23.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Phạm Minh T tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là thanh niên trưởng thành, có đầy đủ nhận thức về hành vi, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu. Trong quá trình lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, nên mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp, không nặng như kháng cáo bị cáo đã nêu. Bị cáo kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 131/2017/HS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 63/2017/HSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2017, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/11/2016 đến ngày 16/01/2017.

3. Về án phí:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND H (2);
- VKSND H (1);
- Công an H (1);
- Chi cục THADS H (1);
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai (1);
- Bị cáo – B5 (2);
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)